

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829801] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2105A,B)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt:...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:...

Mai Văn Lê Phan Văn Tuấn Mai Văn Lê Phan Văn Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050001	Phạm Quốc Anh		03/02/2003	CCQ2105A		Anh	6,5	8,0	7,4
2	2121050077	Bùi Xuân Chiến		25/09/2003	CCQ2105A		Chiến	5,8	6,0	5,9
3	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu Chương		29/03/2003	CCQ2105A		Chương	5,8	8,0	7,4
4	2121050002	Nguyễn Thành Đạt		25/06/2003	CCQ2105A		Dat	6,7	6,0	6,3
5	2121050031	Nguyễn Văn Thành Đạt		17/07/2003	CCQ2105A		Dat	8,3	6,0	6,9
6	2121050004	Lâm Thanh Hiền		21/09/2003	CCQ2105A		Hiền	7,0	9,0	8,2
7	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng		23/02/2001	CCQ2205D		Hoàng	8,7	9,0	8,9
8	2122050077	Nguyễn Công Hưng		12/12/2004	CCQ2205C		Hưng	8,5	7,5	7,9
9	2121050019	Võ Ngọc Huy		06/02/2003	CCQ2105A		Huy	8,0	9,0	8,6
10	2121050013	Nguyễn Ngọc Kha		21/11/2003	CCQ2105A		Kha	6,0	7,5	6,9
11	2121050034	Nguyễn Việt Khang		23/09/2003	CCQ2105A		Khang	8,2	8,0	8,1
12	2121050022	Lâm Tuấn Kiệt		14/08/2002	CCQ2105A		Kiệt	8,8	6,0	7,1
13	2121050005	Phan Phi Long		29/10/2000	CCQ2105A		Long	9,0	9,0	9,0
14	2122050075	Nguyễn Đình Ngọc		12/10/2003	CCQ2205C		Ngọc	8,2	8,0	8,1
15	2121050007	Trần Phương Nhật		07/07/2003	CCQ2105A		Nhật	9,0	9,0	9,0
16	2121050032	Nguyễn Phát		14/03/2003	CCQ2105A					
17	2121050008	Nguyễn Tấn Phát		19/09/2003	CCQ2105A		Phat	7,8	8,5	8,2
18	2121050009	Nguyễn Trung Phi		18/03/2003	CCQ2105A		Phi	6,3	8,5	7,6
19	2121060026	Nguyễn Xuân Phú		10/08/2003	CCQ2105A		Phu	8,5	9,0	8,8
20	2121050010	Đỗ Hoàng Phước		16/01/2003	CCQ2105A		Phuoc	7,7	6,0	6,7
21	2121050011	Phan Trần Trung Tâm		15/12/2003	CCQ2105A					
22	2121050012	Nguyễn Công Thành		25/08/2003	CCQ2105A		Thanh	6,8	8,0	7,5
23	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên		06/11/2003	CCQ2205C		Tien	8,7	8,0	8,3
24	2122050078	Lê Minh Trí		07/12/2004	CCQ2205C		Tri	8,2	8,0	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829802] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2105A,B)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Mai Văn Lê Đào Văn Tuấn Mai Văn Lê Trần Văn Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/06/2004	CCQ2205C			5,3	6,0	5,7
2	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A			8,7	9,0	8,9
3	2121050041	Nguyễn	Đức	20/04/2003	CCQ2105B			5,5	6,0	5,8
4	2121050071	Phan Minh	Đức	27/05/2003	CCQ2105B			9,3	9,0	9,1
5	2121050057	Hòa Ngọc	Hải	22/02/2002	CCQ2105B			5,0	6,0	5,6
6	2121050049	Đào Tấn	Hiền	27/09/2003	CCQ2105B			6,3	7,0	6,7
7	2121050078	Nguyễn Trung	Hiếu	17/11/2002	CCQ2105B			7,3	8,0	7,7
8	2121050038	Nguyễn Hoàng	Hy	13/07/2003	CCQ2105B			8,7	9,0	8,9
9	2121050042	Hứa Hoàng	Khang	16/12/2003	CCQ2105B			9,5	9,0	9,2
10	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C			8,0	9,0	8,6
11	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A			7,0	8,0	7,6
12	2121050021	Trần Quang	Phú	02/03/2002	CCQ2105A					
13	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B			7,7	8,0	7,9
14	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B			6,3	7,0	6,7
15	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	CCQ2105A			6,0	7,0	6,6
16	2121050026	Phạm Minh	Thông	03/10/2003	CCQ2105A			8,2	9,0	8,7
17	2121050014	Lê Minh	Thuận	13/09/2003	CCQ2105A			8,2	9,0	8,7
18	2121050015	Nguyễn Minh	Tiến	18/06/2003	CCQ2105A			9,0	9,0	9,0
19	2121050075	Lê Đông	Triều	27/12/2003	CCQ2105A			9,7	9,0	9,3
20	2121050016	Trương Thanh	Triều	06/10/2001	CCQ2105A			8,5	9,0	8,8
21	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A			7,2	8,0	7,7
22	2121050020	Phạm Minh	Tuấn	16/10/2001	CCQ2105A			9,0	9,0	9,0
23	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A			8,2	9,0	8,7
24	2121050024	Hồ Thanh	Xuân	25/01/2003	CCQ2105A			6,7	7,0	6,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829803] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2105A,B)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A			9,3	9,0	9,1
2	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C			6,0	7,0	6,6
3	2121050043	Châu Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2105B			5,0	6,0	5,6
4	2121050061	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khánh	05/12/2003	CCQ2105B			9,3	9,0	9,1
5	2121050062	Nguyễn Tự	Lập	10/08/2003	CCQ2105B			5,7	7,0	6,5
6	2121050056	Nguyễn Hoài	Linh	09/07/2003	CCQ2105B			6,7	7,0	6,9
7	2121050047	Trương Thành	Linh	27/05/2000	CCQ2105B			5,3	6,0	5,7
8	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B			8,0	8,0	8,0
9	2121050065	Trịnh Văn	Minh	17/10/2003	CCQ2105B			9,0	8,5	8,7
10	2121050036	Lê Thanh	Nam	19/05/2003	CCQ2105B					
11	2121050076	Nguyễn Hoài	Nam	10/07/2003	CCQ2105B			5,0	6,5	5,9
12	2121050063	Đỗ Duy	Ngọc	14/11/2003	CCQ2105B			7,3	7,0	7,1
13	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A			9,7	9,0	9,3
14	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A			9,0	9,0	9,0
15	2121050039	Đặng Đức	Phú	07/07/2003	CCQ2105B			9,2	9,0	9,1
16	2121050064	Nguyễn Thanh	Phương	23/04/2003	CCQ2105B			9,0	8,5	8,7
17	2121050066	Đoàn Ngọc	Quế	29/09/2003	CCQ2105B			6,3	7,5	7,0
18	2121050060	Lê Văn	Quyết	02/01/2003	CCQ2105B			6,8	8,0	7,5
19	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	31/05/2003	CCQ2105B			6,8	7,0	6,9
20	2121050054	Đặng Đức	Tân	17/06/2003	CCQ2105B			7,8	8,0	7,9
21	2119050027	Lê Văn	Thắng	14/12/2000	CCQ1905A			6,0	7,0	6,6
22	2121050059	Phạm Quang	Thắng	15/04/2002	CCQ2105B			8,0	8,0	8,0
23	2121050052	Lê Minh	Thuận	13/02/2003	CCQ2105B			7,8	9,0	8,5
24	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D			5,0	5,0	5,0
25	2121050048	Trần Trung	Trực	01/10/2002	CCQ2105B			5,0	5,0	5,0
26	2121050053	Huỳnh Nguyễn Tấn	Trung	30/01/2002	CCQ2105B			6,5	7,0	6,8